

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính ("BCTC") tổng hợp bán niên năm 2026 đã được soát xét như sau:

I. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa BCTC tổng hợp bán niên 2026 đã được soát xét và BCTC tổng hợp quý II/2026:

Đvt: Tỷ đồng

Khoản mục	BCTC tổng hợp bán niên 2026 đã được soát xét	BCTC tổng hợp Quý II/2026	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.410	2.574	(164)

Nguyên nhân phát sinh chênh lệch kết quả kinh doanh chủ yếu do kiểm toán viên trích thêm chi phí dự phòng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

II. Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh chuyển từ lỗ tại BCTC tổng hợp bán niên 2025 đã được soát xét sang lãi tại BCTC tổng hợp bán niên năm 2026 đã được soát xét:

Kết quả hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty chuyển từ lỗ sang lãi chủ yếu do khoản lãi trái phiếu được miễn giảm. Khoản này không phát sinh trong cùng kỳ năm 2025.

III. Giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh giữa BCTC tổng hợp bán niên 2025 đã được soát xét và BCTC tổng hợp bán niên 2026 đã được soát xét:

Đvt: Tỷ đồng

Khoản mục	BCTC tổng hợp bán niên năm 2026 đã được soát xét	BCTC tổng hợp bán niên năm 2025 đã được soát xét	Biến động
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.410	(163)	2.573

Biến động kết quả hoạt động kinh doanh cụ thể như sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 479 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và lãi do chuyển nhượng một phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Chi phí tài chính giảm 793 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do:
 - + Chi phí lãi vay giảm 101 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025; và
 - + Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tăng 661 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 90 tỷ đồng chủ yếu là do trích lập thêm dự phòng các khoản công nợ khó đòi.
- Lợi nhuận khác tăng 1.489 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty được miễn giảm một phần lãi trái phiếu phải trả.

Các lĩnh vực khác của Công ty không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2026 đã được soát xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN THẮNG



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 50

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5900377720, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười ba (13) công ty con gián tiếp và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thắng	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thắng



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11576751/69468833-LR-R

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

01/07/2026
S7
H



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1073-2026-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 31)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.459.738.043	1.879.710.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	929.993.067	646.021.524
1. Tiền	111		179.993.067	146.021.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	682.750.076	6.182.346
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		929.125.663	23.640.371
2. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	124		(246.375.587)	(17.458.025)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		843.033.982	1.223.283.867
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	36.991.429	19.910.791
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	39.635.766	28.140.571
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	1.465.568.974	1.831.518.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6,7,8	(699.162.187)	(656.285.646)
IV. Hàng tồn kho	140	9	410.757	641.907
1. Hàng tồn kho	141		2.752.332	2.983.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(2.341.575)	(2.341.575)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		3.550.161	3.580.901
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		6.158	16.146
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		416.424	437.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		3.127.579	3.127.579
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.615.039.441	13.647.036.637
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8	11.126.130	860.046.186
1. Phải thu dài hạn khác	215		11.126.130	860.046.186
II. Tài sản cố định	220		118.046.904	120.223.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	92.669.725	94.828.168
Nguyên giá	222		217.451.232	217.359.756
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.781.507)	(122.531.588)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	25.377.179	25.395.179
Nguyên giá	228		40.240.952	40.240.952
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.863.773)	(14.845.773)
III. Bất động sản đầu tư	240	12	47.528.081	48.802.868
1. Nguyên giá	241		63.456.715	63.456.715
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.928.634)	(14.653.847)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		2.446.806	1.494.550
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		2.446.806	1.494.550
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	13	13.434.417.751	12.612.204.201
1. Đầu tư vào công ty con	261	13.1	11.876.361.230	12.184.027.219
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	13.2	7.360.041	916.380.007
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	13.1, 13.2, 13.3	(114.908.647)	(1.389.621.259)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	13.3	1.665.605.127	901.418.234
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.473.769	4.265.485
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	14	1.473.769	1.513.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	27.3	-	2.751.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		16.074.777.484	15.526.747.182

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngân VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 31)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.129.882.900	4.990.484.904
I. Nợ ngắn hạn	310		1.143.342.754	4.977.453.444
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	29.128.704	40.853.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	10.136.487	7.699.917
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	17	94.572.579	19.020.466
4. Phải trả người lao động	315		6.080.166	5.811.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	18	44.265.757	2.021.108.360
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	19	800.857.843	1.496.452.264
7. Vay ngắn hạn	321	20	158.197.708	1.386.404.137
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		103.510	103.510
II. Nợ dài hạn	330		1.986.540.146	13.031.460
1. Phải trả dài hạn khác	338	19	7.666.626	7.666.626
2. Vay dài hạn	339	20	1.973.378.922	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	27.3	129.764	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	343	3.14	5.364.834	5.364.834
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.944.894.584	10.536.262.278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21.1	12.674.679.470	12.674.679.470
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.674.679.470	12.674.679.470
2. Thặng dư vốn	412	21.1	408.450.000	408.450.000
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	21.1	(686.640)	(686.640)
4. Lỗ lũy kế	420	21.1	(137.548.246)	(2.546.180.552)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(2.547.716.552)	(3.390.990.129)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		2.410.168.306	844.809.577
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		16.074.777.484	15.526.747.182

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT

Phạm Thị Thu Hà

Lê Trương Y Trâm



Nguyễn Xuân Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngân VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.040.698	4.797.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22.1	7.040.698	4.797.102
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	5.613.685	3.055.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.427.013	1.741.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22.2	531.972.350	53.259.781
7. Chi phí tài chính	23	24	(610.218.179)	183.330.897
Trong đó: Chi phí đi vay	24		68.789.023	164.755.249
8. Chi phí bán hàng	25	25	2.649.413	1.145.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	122.691.115	33.486.302
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		1.018.277.014	(162.961.249)
11. Thu nhập khác	31	26	1.549.918.548	381.657
12. Chi phí khác	32	26	61.879.330	908.531
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40	26	1.488.039.218	(526.874)
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.506.316.232	(163.488.123)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27.1	93.266.474	-
16. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27.3	(2.881.452)	576.206
17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.410.168.306	(162.911.917)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

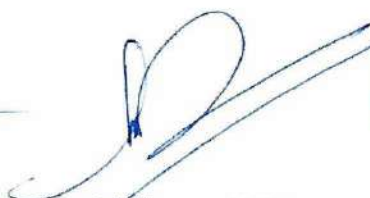
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT



Phạm Thị Thu Hà



Lê Trương Y Trâm



Nguyễn Xuân Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại - TM số 31)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	01		2.506.316.232	(163.488.123)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	02	10, 11, 12	3.542.706	3.232.933
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(1.002.918.509)	18.102.286
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư, tài chính	04		(588.098)	(6.950.850)
- Chi phí đi vay và chi phí phát hành trái phiếu	05		(497.406.333)	(46.292.241)
	06	24	68.789.023	164.755.249
3. Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.077.735.021	(30.640.746)
- Giảm các khoản phải thu	09		644.836.576	70.584.979
- Giảm hàng tồn kho	10		231.150	80.610
- Giảm các khoản phải trả	11		(2.444.728.407)	(120.761.903)
- Giảm chi phí chờ phân bổ	12		50.016	29.330
- Chi phí đi vay đã trả	14		(480.371.799)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15	27.1	-	(37.670)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.536.000)	(1.536.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20		(1.203.783.443)	(82.281.400)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(326.226)	(5.245.403)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	620.000
3. Tiền chi cho vay và cho mượn	23		(1.588.757.099)	-
4. Tiền thu hồi cho vay và cho mượn	24		904.895.292	114.500.566
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.264.049.571	-
6. Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		9.049.701	67.455.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		588.911.239	177.330.225

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại - TM số 31)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay và đi mượn	33	20	2.302.600.000	254.745.000
2. Tiền trả nợ gốc vay và mượn	34	20	(1.403.756.253)	(205.745.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		898.843.747	49.000.000
Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		283.971.543	144.048.825
Tiền đầu kỳ	60		646.021.524	4.164.549
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	929.993.067	148.213.374

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT



Phạm Thị Thu Hà



Lê Trương Y Trâm



Nguyễn Xuân Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5900377720, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp và mười ba (13) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty	Tình trạng Trụ sở hoạt động		Cuối kỳ		Đầu kỳ		
			Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Lĩnh vực nông nghiệp							
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	84,43	84,43	93,13	93,13	
(2) Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	84,43	100,00	93,13	
(3) Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	84,43	100,00	93,13	
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	85,00	85,00	85,00	
(5) Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	83,00	83,00	83,00	83,00	
(6) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	87,74	87,74	87,74	87,74	
(7) Flour Manufacturing Co., Ltd.	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	87,74	100,00	87,74	
(8) High Technology Agriculture Bolaven Co., Ltd.	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	84,43	100,00	93,13	
(9) Hoan Thinh Attapeu Agriculture Development Sole Member Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	87,74	100,00	87,74	
(10) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bă	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	87,74	100,00	87,74	
(11) Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	85,00	100,00	85,00	
(12) Souk Houng Heang Agricultural Development Sole Co., Ltd.	Champasak, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	84,43	100,00	93,13	
(13) Công ty Cổ phần Thủy sản Cá Tầm Bolaven	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	83,00	100,00	83,00	
(14) Sturgeon Bolaven Paksong Sole Co., Ltd.	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	83,00	100,00	83,00	

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp và mười ba (13) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty	Tình trạng Trụ sở hoạt động		Cuối kỳ		Đầu kỳ	
			Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp						
(15) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	84,43	99,00	92,20
(16) Sanamxay Agriculture and Forestry Development Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	91,23	84,12	91,23	84,12
(17) Saysettha Agriculture and Forestry Development Sole Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	91,23	84,12	91,23	84,12
Lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ						
(18) Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,50	100,00	97,50
(19) Hoang Anh Gia Lai Vientiane Co., Ltd.	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00	100,00	100,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	Tình trạng Trụ sở hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

Dịch vụ hàng hóa - xây dựng

(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

Quản lý bất động sản và khách sạn

(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang chờ giải thể (ii)	-	-
(i)	Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.			
(ii)	Tình trạng đang chờ giải thể là tình trạng chi nhánh đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết, vẫn chưa hoàn thành việc giải thể vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.			

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 150 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 143).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 13.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo thông tư số 99/2025/TT- BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, như được trình bày tại *Thuyết minh số 31*.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo pháp đường thẳng.

3.12 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

3.15 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Trái phiếu

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Đối với trái phiếu phát hành có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của trái phiếu phát hành: khoản chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày phát hành tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường).

Đối với trái phiếu phát hành có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của trái phiếu phát hành: khoản chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của trái phiếu phát hành.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.19 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu mua lại của chính mình) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.25 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	885.561	514.414
Tiền gửi không kỳ hạn	179.107.506	145.507.110
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	115.199.183	52.849
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	58.385.937	6.233
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương	3.344.566	19.928.264
- Ngân hàng TMCP Quân đội	48.174	124.081.105
- Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác	2.129.646	1.438.659
Các khoản tương đương tiền khác	750.000.000	500.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông (*)	750.000.000	100.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	400.000.000
TỔNG CỘNG	929.993.067	646.021.524

(*) Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%/ năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Ngàn VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong tương lai:		
Khoản lãi vay phải trả được miễn giảm	1.534.505.139	-

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngàn VND					
	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 31)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	400.000.000	400.000.000	-	-	-	-
Cho vay bên liên quan (**)(TM số 28)	453.425.000	226.712.500	(226.712.500)	-	-	-
Cho vay bên khác (**)	21.652.671	3.706.999	(17.945.672)	21.554.573	4.954.404	(16.600.169)
Lãi cho vay bên khác	857.856	-	(857.856)	857.856	-	(857.856)
Lãi cho vay bên liên quan (TM số 28)	53.190.136	52.330.577	(859.559)	1.227.942	1.227.942	-
TỔNG CỘNG	929.125.663	682.750.076	(246.375.587)	23.640.371	6.182.346	(17.458.025)

(*) Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với kỳ hạn gốc 6 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất 7%/ năm.

(**) Đây là các khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,5% - 7,675%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị		Giá trị	
	ghi sổ	dự phòng	ghi sổ	dự phòng
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.281.628	(17.971.615)	18.138.958	(7.768.377)
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	974.763	(693.088)	974.763	(662.334)
Phải thu tiền bán căn hộ	735.038	(735.038)	797.070	(797.070)
TỔNG CỘNG	36.991.429	(19.399.741)	19.910.791	(9.227.781)
<i>Trong đó:</i>				
Bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 28)	28.375.194	(11.773.154)	12.197.102	(3.070.703)
Bên khác	8.616.235	(7.626.587)	7.713.689	(6.157.078)

Thay đổi dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Kỳ này		Kỳ trước
	Giá trị		Giá trị
Số đầu kỳ	9.227.781		13.546.848
Dự phòng lập trong kỳ	10.233.992		-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(62.032)		(172.714)
Số cuối kỳ	19.399.741		13.374.134

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị		Giá trị	
	ghi sổ	dự phòng	ghi sổ	dự phòng
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	39.635.766	(16.669.235)	28.140.571	(2.819.487)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	22.762.752	(13.872.591)	20.243.255	-
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Thuận Phát Pleiku	5.000.000	-	-	-
- Khác	11.873.014	(2.796.644)	7.897.316	(2.819.487)
<i>Trong đó:</i>				
Bên liên quan (TM số 28)	22.762.752	(13.872.591)	20.243.255	-
Bên khác	16.873.014	(2.796.644)	7.897.316	(2.819.487)

Thay đổi dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này		Kỳ trước
	Giá trị		Giá trị
Số đầu kỳ	2.819.487		2.167.366
Dự phòng trong kỳ	13.849.748		-
Số cuối kỳ	16.669.235		2.167.366

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 31)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn				
Chi hộ	1.438.253.164	(653.879.945)	1.813.654.348	(639.790.496)
Tạm ứng cho nhân viên	21.579.543	(5.374.395)	11.872.765	(1.961.518)
Phải thu khác	5.736.267	(3.838.871)	5.991.038	(2.486.364)
	<u>1.465.568.974</u>	<u>(663.093.211)</u>	<u>1.831.518.151</u>	<u>(644.238.378)</u>
Dài hạn				
Ký quỹ	11.126.130	-	-	-
Cần trừ công nợ	-	-	860.046.186	-
	<u>11.126.130</u>	<u>-</u>	<u>860.046.186</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.476.695.104</u>	<u>(663.093.211)</u>	<u>2.691.564.337</u>	<u>(644.238.378)</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>1.349.593.444</i>	<i>(648.435.008)</i>	<i>2.660.432.645</i>	<i>(636.628.838)</i>
<i>Bên khác</i>	<i>127.101.660</i>	<i>(14.658.203)</i>	<i>31.131.692</i>	<i>(7.609.540)</i>

Thay đổi dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Số đầu kỳ	644.238.378	649.174.316
Dự phòng trong kỳ	<u>18.854.833</u>	-
Số cuối kỳ	<u>663.093.211</u>	<u>649.174.316</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên vật liệu	1.590.285	1.791.187
Hàng hóa	982.376	982.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	121.336	151.584
Thành phẩm	<u>58.335</u>	<u>58.335</u>
TỔNG CỘNG	2.752.332	2.983.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(2.341.575)</u>	<u>(2.341.575)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>410.757</u>	<u>641.907</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	153.099.823	16.666.600	36.699.119	4.096.714	6.689.440	108.060	217.359.756
Mua mới	-	-	-	91.476	-	-	91.476
Số cuối kỳ	153.099.823	16.666.600	36.699.119	4.188.190	6.689.440	108.060	217.451.232
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	15.926.429	17.315.469	23.268.538	3.584.538	6.689.440	108.060	66.892.474
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu kỳ	(64.004.310)	(16.433.980)	(31.473.312)	(3.822.486)	(6.689.440)	(108.060)	(122.531.588)
Khấu hao trong kỳ	(1.565.142)	(10.585)	(604.598)	(69.594)	-	-	(2.249.919)
Số cuối kỳ	(65.569.452)	(16.444.565)	(32.077.910)	(3.892.080)	(6.689.440)	(108.060)	(124.781.507)
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	89.095.513	232.620	5.225.807	274.228	-	-	94.828.168
Số cuối kỳ	87.530.371	222.035	4.621.209	296.110	-	-	92.669.725

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>25.278.179</u>	<u>14.962.773</u>	<u>40.240.952</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	14.817.773	14.817.773
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	(14.845.773)	(14.845.773)
Hao mòn trong kỳ	-	<u>(18.000)</u>	<u>(18.000)</u>
Số cuối kỳ	-	<u>(14.863.773)</u>	<u>(14.863.773)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	<u>25.278.179</u>	<u>117.000</u>	<u>25.395.179</u>
Số cuối kỳ	<u>25.278.179</u>	<u>99.000</u>	<u>25.377.179</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	63.456.715
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu kỳ	(14.653.847)
Khấu hao trong kỳ	(1.274.787)
Số cuối kỳ	(15.928.634)
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	48.802.868
Số cuối kỳ	47.528.081

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

		Ngân VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.401.844	2.391.262
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	1.345.636	1.016.578

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngân VND					
	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 31)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)	11.876.361.230	11.768.812.624	(107.548.606)	12.184.027.219	11.363.493.493	(820.533.726)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.2)	7.360.041	-	(7.360.041)	916.380.007	548.250.000	(368.130.007)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (TM số 13.3)	1.665.605.127	1.665.605.127	-	901.418.234	700.460.708	(200.957.526)
TỔNG CỘNG	13.549.326.398	13.434.417.751	(114.908.647)	14.001.825.460	12.612.204.201	(1.389.621.259)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Lê Me (*)	Chăn nuôi và trồng trọt	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (**)	Nông nghiệp	84,42	2.981.625.011	-	93,13	3.289.291.000	(712.985.120)
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)	Chăn nuôi và trồng trọt	83,00	2.745.600.000	-	83,00	2.745.600.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (***)	Chăn nuôi và trồng trọt	85,00	2.591.261.613	-	85,00	2.591.261.613	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Hoang Anh Gia Lai Vientiane Co., Ltd.	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
TỔNG CỘNG			11.876.361.230	(107.548.606)		12.184.027.219	(820.533.726)

(*) Toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (TM số 20 và 29).

(**) Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 14.678.634 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cho bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 670.112.071 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai giảm từ 93,13% xuống còn 84,42%.

Một phần khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (TM số 20 và 29).

(***) Toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của công ty con (TM số 29).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	(6.200.000)	2,00	6.200.000	(6.200.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	8,24	909.019.966	(360.769.966)
TỔNG CỘNG			7.360.041	(7.360.041)		916.380.007	(368.130.007)

(*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 91.375.000 cổ phiếu HNG cho các nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 593.937.500 ngàn VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 31)	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	1.188.757.100	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	506.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần PTNN Stung Treng	395.757.100	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	287.000.000	-	-	-
Cho vay (**)	400.000.000	-	853.425.000	(200.957.526)
Lãi cho vay	63.217.069	-	47.993.234	-
Lợi nhuận HTKD	13.630.958	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.665.605.127	-	901.418.234	(200.957.526)
Trong đó:				
Bên liên quan (TM số 28)	1.269.848.027	-	901.418.234	(200.957.526)
Bên khác	395.757.100	-	-	-

(*) Đây là khoản phải thu từ HĐHTKD liên quan đến việc phát triển các dự án trồng cây cà phê, với chi tiết như sau:

- HĐHTKD số 02/2026/HĐHTKD/HAG-GSLP ngày 22 tháng 4 năm 2026 với Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang) về việc hợp tác đầu tư dự án trồng cà phê tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Theo thỏa thuận, Công ty được hưởng lợi tức 11%/năm trên số vốn góp thực tế trong thời hạn hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và chưa phát sinh doanh thu.
- HĐHTKD số 04/2026/HĐHTKD/HAG-STT ngày 22 tháng 4 năm 2026 với Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Stung Treng về việc hợp tác đầu tư dự án trồng cà phê tại tỉnh Stung Treng, Campuchia. Theo thỏa thuận, Công ty được hưởng lợi tức 11%/năm trên số vốn góp thực tế trong thời hạn hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và chưa phát sinh doanh thu.
- HĐHTKD số 01/2026/HĐHTKD/HAG-CNGL ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Công ty CP Chăn nuôi Gia Lai về việc hợp tác thực hiện phương án trồng cà phê tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Theo thỏa thuận, Công ty được hưởng lợi tức 11%/năm trên số vốn góp thực tế trong thời hạn hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và chưa phát sinh doanh thu.

Quyền tài sản phát sinh từ các HĐHTKD này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (TM số 20).

(**) Đây là các khoản vay tín chấp với thời hạn hoàn trả vào tháng 4 năm 2029 và hưởng lãi suất 7,675%/ năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	1.300.935	1.216.317
Chi phí trả trước khác	172.834	297.480
TỔNG CỘNG	1.473.769	1.513.797

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.002.704	40.727.050
Mua máy móc và thiết bị	126.000	126.000
TỔNG CỘNG	29.128.704	40.853.050
Trong đó:		
Bên liên quan (TM số 28)	3.349.526	15.469.983
Bên khác	25.779.178	25.383.067

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Nhận ứng trước của khách hàng	10.136.487	7.699.917
Trong đó:		
Bên liên quan (TM số 28)	8.875.417	6.356.567
Bên khác	1.261.070	1.343.350

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngàn VND Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 27.1)	-	93.266.474	-	93.266.474
Thuế giá trị gia tăng	806.300	269.966	(269.525)	806.741
Thuế thu nhập cá nhân	18.214.166	1.363.284	(19.078.086)	499.364
Khác	-	5.885.857	(5.885.857)	-
TỔNG CỘNG	19.020.466	100.785.581	(25.233.468)	94.572.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngàn VND Số đầu kỳ</i>
Chi phí lãi vay	36.510.274	1.997.936.672
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
Chi phí phát hành trái phiếu	-	15.413.409
Khác	5.328.303	5.331.099
TỔNG CỘNG	44.265.757	2.021.108.360

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngàn VND Số đầu kỳ (Trình bày lại – TM số 31)</i>
Ngắn hạn		
Cần trừ công nợ (TM số 28)	745.798.484	1.432.092.780
Phải trả do được chi hộ	27.227.062	27.227.062
Phải trả do thu hộ	3.870.944	3.870.944
Khác	23.961.353	33.261.478
	800.857.843	1.496.452.264
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	7.666.626	7.666.626
TỔNG CỘNG	808.524.469	1.504.118.890

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Số đầu kỳ (Trình bày lại – TM số 31)	Vay	Trả nợ gốc	Cần trừ công nợ	Chi phí phát hành trái phiếu	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Ngàn VND Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	1.386.404.137	302.600.000	(1.403.756.253)	(127.050.176)	-	-	158.197.708
Trái phiếu đến hạn trả (TM số 20.1)	1.099.000.000	-	(1.099.000.000)	-	-	-	-
Mượn bên khác (*)	-	284.000.000	-	(130.602.292)	-	-	153.397.708
Mượn bên liên quan (TM số 28) (*)	287.404.137	18.600.000	(304.756.253)	3.552.116	-	-	4.800.000
Vay dài hạn	-	2.000.000.000	-	-	(28.242.401)	1.621.323	1.973.378.922
Trái phiếu thường (TM số 20.1)	-	2.000.000.000	-	-	(28.242.401)	1.621.323	1.973.378.922
TỔNG CỘNG	1.386.404.137	2.302.600.000	(1.403.756.253)	(127.050.176)	(28.242.401)	1.621.323	2.131.576.630

(*) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Trái phiếu thương

		Ngân VND
Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS") (i)	2.000.000.000	-
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	-	1.099.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(26.621.078)	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(28.242.401)	-
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.621.323	-
TỔNG CỘNG	1.973.378.922	1.099.000.000
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	1.973.378.922	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	1.099.000.000

(i) Vào ngày 29 tháng 4 năm 2026, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo lãnh thanh toán, với tổng giá trị phát hành 2.000 tỷ đồng (mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu). Trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày phát hành.

Lãi suất được áp dụng ở mức 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên; các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Phương Đông ("OCB") cộng biên độ 2,5%/năm.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu được sử dụng để thực hiện các chương trình đầu tư phát triển diện tích cà phê mới thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, OCB và Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển mỗi bên nắm giữ 10.000 trái phiếu, tương ứng 50% số lượng trái phiếu đang lưu hành.

Trái phiếu được bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán của OCB theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh số 0139/2026/TTCBL ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Thư bảo lãnh số BL0054061 phát hành theo thỏa thuận này.

Thông tin chính về bảo lãnh thanh toán được đảm bảo bằng các tài sản của Công ty như sau:

- OCB cam kết bảo lãnh cho các nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu, tiền phạt chậm trả gốc, lãi và nghĩa vụ mua lại bắt buộc của Công ty theo các điều kiện trái phiếu đã phát hành;
- Tổng giá trị bảo lãnh tối đa là 2.135 tỷ đồng, bao gồm 2.000 tỷ đồng gốc trái phiếu và tối đa 135 tỷ đồng tiền lãi, tiền phạt phát sinh thuộc phạm vi bảo lãnh;
- Thư bảo lãnh có tính chất không hủy ngang và OCB có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Công ty không thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ được bảo lãnh cho người sở hữu trái phiếu theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số đầu kỳ	10.574.679.470	-	(686.640)	(3.387.918.129)	7.186.074.701
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(162.911.917)	(162.911.917)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Số cuối kỳ	10.574.679.470	-	(686.640)	(3.552.366.046)	7.021.626.784
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Số đầu kỳ	12.674.679.470	408.450.000	(686.640)	(2.546.180.552)	10.536.262.278
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.410.168.306	2.410.168.306
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Số cuối kỳ	12.674.679.470	408.450.000	(686.640)	(137.548.246)	12.944.894.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	1.267.467.947	1.267.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.267.467.947	1.267.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.267.467.947</i>	<i>1.267.467.947</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	1.267.399.283	1.267.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.267.399.283</i>	<i>1.267.399.283</i>
Cổ phiếu mua lại của chính mình	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Doanh thu thuần	7.040.698	4.797.102
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>4.266.247</i>	<i>2.038.570</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.774.451</i>	<i>2.758.532</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>4.304.429</i>	<i>2.041.411</i>
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	<i>2.736.269</i>	<i>2.755.691</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Lãi thanh lý khoản đầu tư	441.517.563	6.000.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	76.235.730	40.308.931
Lợi nhuận HĐHTKD	13.630.959	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	588.098	6.950.850
TỔNG CỘNG	531.972.350	53.259.781
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (TM số 28)	80.816.989	40.249.509
Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên khác	451.155.361	13.010.272

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.266.247	2.038.570
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.347.438	1.016.578
TỔNG CỘNG	5.613.685	3.055.148

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	53.450.539	153.812.455
Chi phí phát hành trái phiếu	1.621.323	10.942.794
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(679.007.202)	18.275.000
Khác	13.717.161	300.648
TỔNG CỘNG	(610.218.179)	183.330.897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.454.151	902.452
Chi phí nhân viên	195.262	191.337
Chi phí bán hàng khác	-	51.996
	<u>2.649.413</u>	<u>1.145.785</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	70.836.576	(172.714)
Nợ phải thu khó đòi	20.450.159	18.105.586
Chi phí nhân viên	18.512.956	10.627.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.007.089	2.096.495
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.884.335	2.829.130
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác		
	<u>122.691.115</u>	<u>33.486.302</u>
TỔNG CỘNG	<u>125.340.528</u>	<u>34.632.087</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND Kỳ trước</i>
Thu nhập khác		
Chi phí lãi trái phiếu được miễn giảm (*)	1.534.505.139	-
Thu nhập khác	15.413.409	381.657
	<u>1.549.918.548</u>	<u>381.657</u>
Chi phí khác		
Xóa sổ công nợ	59.882.433	332.504
Chi phí khác	1.996.897	576.027
	<u>61.879.330</u>	<u>908.531</u>
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	<u>1.488.039.218</u>	<u>(526.874)</u>

(*) Trong kỳ, căn cứ theo Thông báo về việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ số 79/CNHCM-P.MBN1 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Công ty được giảm trừ nghĩa vụ trả nợ tương ứng với phần chi phí lãi vay với tổng giá trị là 1.534.505.139 ngàn VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngân VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	93.266.474	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	2.881.452	(576.206)
TỔNG CỘNG	96.147.926	(576.206)

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	Ngân VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	2.506.316.232	(163.488.123)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được khấu trừ khác	61.879.330	524.605
Lãi suất ấn định	45.741.030	17.020.930
Chi phí lãi vay không được khấu trừ (*)	-	107.425.388
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.881.452)	2.881.030
Chi phí lãi vay chưa được trừ năm trước chuyển sang	(85.079.473)	-
Thay đổi các khoản dự phòng	(712.985.120)	-
Lợi nhuận (lỗ) kế toán điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	1.812.990.547	(35.636.170)
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(1.346.658.179)	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính trong kỳ hiện hành	466.332.368	(35.636.170)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	93.266.474	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	103.625
Thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(65.955)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(37.670)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 17)	93.266.474	-

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

27.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(129.764)	2.751.688	(2.881.452)	576.206
(Thuế TNDN hoãn lại phải trả) tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	(129.764)	2.751.688		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(2.881.452)	576.206

27.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có các khoản lỗ lũy kế (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.346.658.179 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Ngàn VND		
		Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026
2024 (*)	2029	1.459.721.111	(1.459.721.111)	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

				Ngàn VND
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2026	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2026
2024 (*) 2029		226.279.373	(226.279.373)	-

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Hoang Anh Gia Lai Vientiane Co., Ltd.	Công ty con trực tiếp
Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Flour Manufacturing Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
High Technology Agriculture Bolaven Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Hoan Thinh Attapeu Agriculture Development Sole Member Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Mang Yang	Công ty con gián tiếp
Souk Houng Heang Agricultural Development Sole Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Sturgeon Bolaven Paksong Sole Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Bolaven Paksong Sturgeon Seafood Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con gián tiếp
Sanamxay Agriculture and Forestry Development Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Saysettha Agriculture and Forestry Development Sole Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dầu Tầm tơ Hàm Rồng	Công ty liên kết của công ty con gián tiếp (đến ngày 26 tháng 1 năm 2026)
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đồng Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con (đến ngày 1 tháng 1 năm 2026)
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT (đến ngày 1 tháng 1 năm 2026)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT (đến ngày 1 tháng 1 năm 2026)
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thắng	Giám đốc công ty con kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 3 năm 2026)
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Bà Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên BKS
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên BKS
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên HĐQT độc lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Giao dịch	Kỳ này	Ngàn VND
			Kỳ trước
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Góp vốn		
	Hợp đồng HTKD	506.000.000	-
	Trả tiền mượn	138.160.885	634.766.851
	Lợi nhuận		
	Hợp đồng HTKD	8.692.110	-
	Mua hàng		
	và dịch vụ	42.500	51.000
	Bán hàng		
	và cung cấp dịch vụ	10.309	13.434
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	-	11.584.624
	Chi hộ	-	426.111
	Cho mượn		
	không lãi suất	373.656.000	-
	Chi hộ	500.000	500.000
	Trả tiền mượn	25.440.000	899.449.003
	Lãi cho vay	15.223.836	26.765.685
	Mượn	13.800.000	914.329.763
	Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	và dịch vụ	5.009.260	2.241.784
	Bán hàng		
	và cung cấp dịch vụ	4.294.120	30.495
	Cho mượn		
	không lãi suất	668.000	-
	Góp vốn		
	Hợp đồng HTKD	287.000.000	-
	Trả tiền mượn	141.155.368	99.862.500
	Chi hộ	74.919.000	234.247
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	51.962.194	-
	Thu tiền cho mượn		
	không lãi suất	6.001.435	-
	Lợi nhuận		
	Hợp đồng HTKD	4.938.849	-
	Mượn	-	241.017.868
	Bán hàng hóa		
	và cung cấp dịch vụ	-	6.171
	Chi hộ		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai		12.500.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	4.800.000	-
	Chi hộ	-	331.649
Công ty Cổ phần Thức ăn Gia súc Trà Bá	Mượn	-	58.318.026
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.991.311
Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.	Lãi cho vay	-	1.899.200
	Chi hộ	-	7.411

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.166.172	176.411
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.343.560	3.342.576
Công ty Cổ phần Thể thao LP Bank Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.865.320	2.865.320
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.512.667	2.512.667
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.612.712	1.612.712
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Thanh lý tài sản cố định	874.763	874.763
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	521.053
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	291.600
		28.375.194	12.197.102

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Số cuối kỳ	Ngân VND Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Ứng trước mua hàng	22.762.752	20.243.255
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (TM số 5)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Cho vay	453.425.000	-
	Lãi cho vay	53.190.136	1.227.942
		506.615.136	1.227.942
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (TM số 13.3)			
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Hợp đồng HTKD	506.000.000	-
	Lợi nhuận		
	Hợp đồng HTKD	8.692.109	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Cho vay	400.000.000	400.000.000
	Lãi cho vay	63.217.069	47.993.234
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Hợp đồng HTKD	287.000.000	-
	Lợi nhuận		
	Hợp đồng HTKD	4.938.849	-
	Cho vay	-	453.425.000
		1.269.848.027	901.418.234

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại các kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Bên liên quan	Giao dịch	Số cuối kỳ	Ngân VND Số đầu kỳ
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
Công ty Cổ phần Lê Me	Chi hộ	497.323.846	1.334.867.846
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Chi hộ	304.151.561	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chi hộ	184.776.522	115.227.251
	Khác	-	631.705
Flour Manufacturing Co., Ltd.	Chi hộ	164.560.423	162.173.470
	Khác	-	1.876.093
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn Gia súc Trà Bá	Chi hộ	141.346.241	141.346.241
Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd.	Chi hộ	42.650.715	42.650.715
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Chi hộ	1.578.018	106.007
Khác	Khác	13.206.118	1.507.131
		1.349.593.444	1.800.386.459

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Số cuối kỳ	Ngàn VND Số đầu kỳ
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Cần trừ công nợ	-	860.046.186
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Mua hàng	3.069.726	368.783
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Mua hàng	-	14.430.784
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mua hàng	-	436.516
Khác	Mua hàng	279.800	233.900
		3.349.526	15.469.983
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.875.417	6.356.567
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Cần trừ công nợ	477.754.297	655.762.445
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Cần trừ công nợ	245.274.437	245.274.437
Hoang Anh Gia Lai Vientiane Co., Ltd.	Cần trừ công nợ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Cần trừ công nợ	-	508.286.148
		745.798.484	1.432.092.780
Vay ngắn hạn (TM số 20)			
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	4.800.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Mượn	-	141.155.368
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	-	138.160.885
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	-	8.087.884
		4.800.000	287.404.137

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.282.686	1.245.336
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	786.053	671.135
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	773.033	673.476
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	720.105	612.803
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	705.367	720.563
Bà Đỗ Trần Thủy Trang	Trưởng BKS	406.415	372.932
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên BKS	340.908	-
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên BKS	239.184	-
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên độc lập HĐQT	162.000	-
TỔNG CỘNG		5.415.751	4.296.245

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê các lô đất tại Việt Nam theo hợp đồng thuê hoạt động để xây dựng nhà xưởng và khách sạn với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dưới 1 năm	1.301.821	1.301.821
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	27.171.059	27.816.620
TỔNG CỘNG	33.680.168	34.325.729

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đang dùng các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của các bên liên quan như sau:

- 345.032.600 cổ phần tại Công ty Cổ phần Lê Me;
- 140.080.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai;
- 165.750.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thẻ Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	444.052.578	444.052.578
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	454.764.794	454.764.794

31. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	Ngàn VND		
	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	23.640.371	23.640.371
Phải thu về cho vay ngắn hạn	21.554.573	(21.554.573)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.833.603.949	(2.085.798)	1.831.518.151
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(874.701.197)	218.415.551	(656.285.646)
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	(17.458.025)	(17.458.025)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	(1.188.663.733)	(200.957.526)	(1.389.621.259)
Phải thu về cho vay dài hạn	400.000.000	(400.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	1.361.464.420	(501.418.234)	860.046.186
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	901.418.234	901.418.234
Phải trả ngắn hạn khác	1.783.856.401	(287.404.137)	1.496.452.264
Vay ngắn hạn	1.099.000.000	287.404.137	1.386.404.137
	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Kỳ trước (được trình bày lại)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Giảm các khoản phải trả	(65.761.903)	(55.000.000)	(120.761.903)
Tiền thu từ đi vay và đi mượn	-	254.745.000	254.745.000
Tiền trả nợ gốc vay và mượn	(6.000.000)	(199.745.000)	(205.745.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Trương Y Trâm

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**



Nguyễn Xuân Thắng